

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 247/2025/HC-PT
Ngày 02 - 4 - 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường và bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 647/2024/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 318/2024/HC-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3184/2025/QĐPT-HC ngày 24/3/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lâm Thị K, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) và Chủ tịch UBND huyện G, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số A đường N, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị H - Chủ tịch UBND huyện G;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trương Văn H1 - Phó Chủ tịch UBND huyện G. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. Người đại theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T - Chủ tịch UBND xã D. (vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của người khởi kiện bà Lâm Thị K trình bày:

Gia đình bà Lâm Thị K đã sử dụng một thửa đất tại khu vực B, xóm M, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội có diện tích khoảng 360m², trong đó có 301m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 05 do gia đình bà Lâm Thị K nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Y, bà Thạch Thị H2 vào ngày 08/9/1994 và 59m² đất do gia đình bà tự coi nới, cải tạo, mở rộng thêm trong năm 1994.

Đối với diện tích 301m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 39 tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính năm 1987: Ngày 18/4/2008, gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) với diện tích 255m². Sau đó đã chuyển nhượng 255m² được cấp GCNQSDĐ cho người khác. Còn lại 46m² đất ở gia đình bà vẫn tiếp tục sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1994 đến nay và không có tranh chấp với bất kỳ ai.

Đối với diện tích 59m² do gia đình tự coi nới, cải tạo, mở rộng thêm năm 1994: UBND xã D đã hợp pháp hóa quyền sử dụng đất ở cho gia đình bà, thông qua việc xử lý 299. Gia đình bà đã đóng tiền xử lý 299 cho UBND xã là 3.600.000 đồng vào ngày 26/5/2003 (có phiếu thu của UBND xã). Ngày 27/5/2003, UBND xã D đã có phiếu giao việc cho cán bộ địa chính ghi nhận nội dung xử lý 299 cho gia đình bà vào hồ sơ địa chính.

Khi thực hiện dự án kè hồ, làm đường dạo chống lấn chiếm hồ V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội, ngày 11/10/2022, UBND huyện G đã ban hành Quyết định số 6469/QĐ-UBND thu hồi 96,1m² đất của gia đình bà nằm trong diện tích 360m² đất tại khu vực B, xóm M, thôn T, xã D và Quyết định số 6470/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (viết tắt là BT, HT) cho gia đình bà.

Trong 96,1m² đất bị thu hồi có 46m² là đất ở nằm trong phần gia đình bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Nguyễn Văn Y và bà Thạch Thị H2 vào ngày 08/9/1994; 50,1m² do gia đình bà được hợp pháp hóa quyền sử dụng đất thông qua xử lý 299 năm 2003 và đã đóng tiền sử dụng đất tương đương với giá đất ở tại thời điểm đó. Vì vậy, tất cả 96,1m² thuộc diện thu hồi nêu trên đều là đất hợp pháp của gia đình bà, đủ điều kiện được bồi thường 100%. Còn đối với các công trình, tài sản trên phần đất bị thu hồi, khi nhận chuyển nhượng nhà đất của ông Y, bà H2, trên đất đã có các công trình bao gồm: tường vây, móng kê được vợ chồng ông bà Yến H3 xây dựng từ năm 1983 nên theo quy định, gia đình bà có thể được bồi thường đến 100% giá trị công trình xây dựng. UBND huyện G vẫn giữ nguyên quan điểm, chỉ hỗ trợ về công trình xây dựng với tỉ lệ 10% trong Quyết định số 6469/QĐ-UBND và Quyết định số 6470/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật và thực tế sử dụng đất.

Thay vì xác định diện tích 96,1m² đất thu hồi của gia đình là đất ở, sử dụng từ trước 01/7/2004 để bồi thường thỏa đáng theo quy định, thì UBND huyện G lại cho rằng diện tích 96,1m² có nguồn gốc bao gồm 86,1m² là đất nông nghiệp lấn chiếm sau ngày 01/7/2004 và 10m² đất nông nghiệp lấn chiếm sau ngày 01/7/2024 đồng

thời không xem xét, xác định phần diện tích được hợp pháp hóa năm 2003 của gia đình bà là phần đất sử dụng hợp pháp.

Do vậy, ngày 18/10/2022, bà Lâm Thị K đã gửi đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND huyện G khiếu nại Quyết định 6469 và Quyết định 6470 nêu trên. Tuy nhiên, UBND huyện G đã ban hành Quyết định 649/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 về việc giải quyết khiếu nại, không chấp nhận toàn bộ các nội dung khiếu nại của bà, giữ nguyên các quan điểm về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất và phương án BT, HT đối với gia đình bà. Nay bà Lâm Thị K khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Hủy Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND huyện G về việc thu hồi đất của bà Lâm Thị K tại thôn T, xã D để thực hiện dự án. (viết tắt là Quyết định số 6469)

Hủy Quyết định số 6470/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Lâm Thị K bị thu hồi đất tại xã D để thực hiện dự án. (viết tắt là Quyết định số 6470)

Hủy Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Lâm Thị K, địa chỉ thôn T, xã D, huyện G. (viết tắt là Quyết định số 649)

Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND huyện G trình bày: Việc bà Lâm Thị K khởi kiện Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 11/10/2022, Quyết định số 6470/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND huyện G và Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch U là không đủ cơ sở để chấp nhận, với lý do: Nội dung đơn của bà K đã được Chủ tịch UBND huyện G xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục và quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã D: Cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến nguồn gốc đất thu hồi của hộ gia đình bà Lâm Thị K. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến L: Được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày gửi đến Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 318/2024/HC-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về BT, HT&TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Phí và Lệ phí; Luật Người cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lâm Thị K.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2024, người khởi kiện bà Lâm Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Lâm Thị K giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lâm Thị K, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 318/2024/HC-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30/9/2024, người khởi kiện bà Lâm Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã D và ông Nguyễn Tiến L cùng những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 6469 về việc thu hồi đất, Quyết định 6470 ngày 11/10/2022 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án BT, HT cho bà Lâm Thị K, Quyết định số 9670 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Lâm Thị K, địa chỉ thôn T, xã D, huyện G. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Ngày 20/3/2023, bà Lâm Thị K có đơn khởi kiện nên còn thời hiệu và thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Lâm Thị K đối với các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[2.1] Xét các Quyết định 6469 và Quyết định 6470 cùng ngày 11/10/2022 của UBND huyện G về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Lâm Thị K thấy:

[2.1.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền: Dự án kè hồ, làm đường dạo chống lấn chiếm hồ vực, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội có mục đích hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cải tạo môi trường, chống lấn chiếm. Qua đó, tạo cảnh quan văn minh, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trong khu vực thực hiện dự án, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai 2013. Thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư thuộc UBND cấp huyện. Do đó, Quyết định về việc thu hồi đất số 6469 và Quyết định số 6470/QĐ-UBND cùng ngày 11/10/2022 về việc phê duyệt phương án BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất của UBND huyện G đối với hộ bà Lâm Thị K được ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 66, 83 Luật Đất đai 2013, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất.

UBND huyện đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện dự án theo quy định: Quyết định số 8975/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 về việc thành lập Hội đồng BT, HT&TĐC thực hiện dự án kè hồ, làm đường dạo chống lấn chiếm hồ vực xã Đ, huyện G; Quyết định số 9257/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 thành lập tổ công tác xã D giúp việc Hội đồng BT, HT&TĐC thực hiện dự án kè hồ; UBND huyện G đã có Thông báo thu hồi đất số 750/TB-UBND ngày 01/4/2021 về việc thu hồi đất của bà K đang sử dụng tại xã D để thực hiện dự án kè hồ, làm đường dạo chống lấn chiếm hồ vực, xã Đ, huyện G. Tại thông báo trên, UBND huyện thông báo thu hồi diện tích đất của gia đình bà K là 96,1m². UBND xã D có Giấy xác nhận về nguồn gốc đất ngày 18/5/2022 và tiến hành tuyên truyền, vận động đối với hộ gia đình bà Lâm Thị K. Ngày 26/10/2021, Tổ công tác GPMB xã D đã tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất thực hiện công tác GPMB thực hiện dự án. Công ty Cổ phần T3 địa chính lập hồ sơ kỹ thuật phục vụ công tác GPMB dự án. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến và thẩm định phương án BT, HT, UBND huyện G ban hành quyết định thu hồi đất đối với người sử dụng đất là hộ gia đình bà K là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 67, 69 Luật Đất đai 2013.

[2.1.2] Về nội dung nguồn gốc đất hộ bà Lâm Thị K: Theo báo cáo của UBND xã D thì diện tích đất của hộ bà Lâm Thị K có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Y năm 1994 có giấy chuyển nhượng đất nhà ở, diện tích 301m². Diện tích đất của ông Y thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 5 (bản đồ năm

1987). Bản đồ 1993-1994 thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 4, diện tích 265m². Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà K có sử dụng một phần diện tích đất công, UBND xã đã lập hồ sơ xử lý đất lấn chiếm. Năm 2008, hộ bà K được cấp GCNQSDĐ thửa số 11, tờ bản đồ số 04, diện tích thể hiện trong khi lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ là 255m².

Sau khi được cấp GCNQSDĐ, gia đình bà K đã chuyển nhượng hết phần diện tích được cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình khác sử dụng gồm: Năm 2011, chuyển nhượng cho ông Đặng Văn N thửa 11(2) tờ bản đồ số 04 diện tích đất 87,5m², trong đó diện tích chung 47,9m², diện tích sử dụng riêng 39,6m²; năm 2012, chuyển nhượng cho ông Phạm Việt C, bà Lê Thị Na T1 đất 11(3), bản đồ 04, diện tích 42,6m² đất ở nông thôn; năm 2017, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị H5, thửa số 11(4), tờ bản đồ số 04, diện tích 95,9m², trong đó sử dụng riêng 48m², sử dụng chung 47,9m².

Phần diện tích gia đình bà K lấn chiếm theo Bản đồ đo vẽ 1993-1994 là một phần diện tích thuộc thửa số 01, tờ bản đồ 04, diện tích 5.680m² loại đất ao công do UBND xã quản lý; có 10m² đất được đo vẽ năm 1993-1994 thể hiện tại thửa 11.

Năm 2016, bà K được cấp giấy xác nhận đăng ký đất đai số 2894 đối với thửa 11(2), tờ bản đồ 04, diện tích 86,3m², mục đích trồng cây lâu năm (trong 86,3m² có 10m² đất được bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 thể hiện tại thửa 11, còn 79,3m² đất ao thuộc thửa 01. Tổng diện tích được cấp giấy chứng nhận và đăng ký đất đai là 341,3m² (255m²+86,3m²).

Năm 2022, thực hiện dự án diện tích hiện trạng sử dụng là 96,3m², bị thu hồi 96,1m², trong đó có diện tích 86,3m² lấn chiếm đất ao công, đã cấp giấy đăng ký đất đai năm 2016; diện tích đất 10m² đất ao công lấn chiếm sau ngày 01/7/2014.

Về Phiếu thu xử lý đất ngày 26/5/2003 của UBND xã D: Văn bản viết tay ngày 27/5/2003 của Chủ tịch UBND xã N có nội dung: chuyển đồng chí Huân, địa chính xã về trích lục bản đồ cho ông Lâm K và cô Lâm Thị K. Cô K đã nộp phạt đất lấn chiếm 300m² x 30.000 đồng = 9.000.000 đồng với diện tích các khu sau:

Ông Lâm K khu Ba Cây là 120m² x 30.000 đồng = 3.600.000 đồng.

Cô Lâm Thị K khu Ba C1 là 120m² x 30.000 đồng = 3.600.000 đồng.

Khu C: 60m² x 30.000 đồng = 1.800.000 đồng.

Phiếu thu ngày 26/5/2003 của UBND xã D, tên người nộp Lâm Thị K, số tiền nộp 9.000.000 đồng; lý do nộp: xử lý đất 299.

Ý kiến của các ông, bà nguyên là lãnh đạo xã, thôn T, xã D (Biên bản làm việc ngày 7/12/2022 và ngày 20/12/2022) gồm: Ông Nguyễn Mạnh C2 - nguyên Chủ tịch xã, ông Phùng Văn H6 - Công chức địa chính xây dựng xã; ông Nguyễn Văn T2 - nguyên Trưởng thôn Thượng năm 2003 có ý kiến: Phiếu thu ngày 26/5/2003 của UBND xã D số tiền nộp 9.000.000 đồng của gia đình bà K đã nộp về ngân sách. Tại thời điểm gia đình bà K được UBND xã xử lý việc lấn chiếm, đất có nguồn gốc và hiện trạng là đất nông nghiệp.

Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ lập ngày 10/6/2016 của bà K đăng ký sử dụng diện tích 86,3m², nguồn gốc theo kê khai và xác nhận của UBND xã là đất lấn chiếm ao công sau năm 1993, có Phiếu thu xử lý 299 ngày 26/5/2003. Tại phiên toà, bà K cũng thừa nhận đã ký vào nội dung đơn này.

Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 31/3/2016 do Công ty Cổ phần T3 địa chính và công trình G, diện tích hiện trạng là 86,3m², có ký xác nhận của gia đình bà K. Biên bản xác định ranh giới thửa đất do UBND xã D ngày 11/6/2016 ghi nhận, hiện trạng 86,3m², có ký xác nhận của gia đình bà K, các hộ sử dụng đất liền kề.

Giấy xác nhận đăng ký đất đai số 2864/GXN-VPĐKĐDGL ngày 22/6/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai đối với thửa đất 11(2), tờ bản đồ số 4 diện tích 86,3m², mục đích trồng cây lâu năm. Phần ghi xác nhận của UBND xã: đất do bà K lấn chiếm đất ao công do UBND quản lý sau năm 1993 trước ngày 01/7/2004 (có Phiếu thu xử lý đất ngày 26/5/2003 và Giấy giao việc của Chủ tịch UBND xã với cán bộ địa chính xã ngày 27/5/2003). Tại phiên toà, bà K thừa nhận có viết Giấy xác nhận đăng ký đất đai này, tuy nhiên bà K cho rằng bà không hiểu nội dung phiếu xác nhận nêu trên là không có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định: Phần diện tích đất bị thu hồi của hộ bà Lâm Thị K có nguồn gốc đất ao công do UBND xã quản lý. Năm 2016, bà K được cấp Giấy xác nhận đăng ký đất đai số 2864 đối với diện tích đất 86,3m², mục đích trồng cây lâu năm. Bà K cho rằng bà cung cấp biên bản xử lý đất lấn chiếm, phiếu thu tiền của UBND xã D năm 2003, giấy giao việc của Chủ tịch UBND xã năm 2003 thể hiện diện tích 96,1m² đất lấn chiếm đã được hợp thức, gia đình bà đã nộp tiền để được sử dụng đất. Tuy nhiên, Phiếu thu xử lý đất ngày 26/5/2003 của UBND xã D không có nội dung thu tiền để được sử dụng đất, UBND xã không xác nhận gia đình bà K nộp tiền sử dụng 86,3m² đất lấn chiếm năm 2003. Thời điểm năm 2016, bà K làm thủ tục đăng ký đất đai, phần đất có nguồn gốc là đất lấn chiếm đã được UBND xã với bà K và các hộ liền kề xác định mốc giới hiện trạng sử dụng với diện tích 86,3m². Ngoài ra, các giấy tờ bà K xuất trình không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013. Diện tích hiện trạng sử dụng tăng 10m² so với Giấy xác nhận đăng ký đất đai số 2864 năm 2016 là một phần thửa đất ao công do gia đình tự ý sử dụng.

Do đó, xác định diện tích đất thu hồi 96,1m² của hộ gia đình bà K gồm diện tích 86,1m² là đất lấn chiếm và diện tích 10m² là đất ao công do UBND xã quản lý. Tại phiên toà, bà K cho rằng, quá trình ký các giấy tờ kê khai bà không được đọc nội dung, cán bộ địa chính xã cho bà ký không vào các văn bản nêu trên nên bà cũng không nắm được các nội dung liên quan thể hiện nguồn gốc đất lấn chiếm ao công, diện tích đất trong giấy chứng nhận của bà nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho nội dung này nên không có căn cứ chấp nhận.

Về bồi thường, hỗ trợ về đất: Như phân tích ở trên, diện tích đất thu hồi của hộ bà K là đất công do UBND xã quản lý, không đủ điều kiện bồi thường về đất

theo Điều 75 Luật Đất đai 2013; Điều 5 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Về công trình xây dựng trên đất: Theo biên bản đo đạc kiểm đếm xác nhận phần công trình xây dựng trên diện tích đất của hộ bà K thời điểm sau ngày 01/7/2004 trước ngày 01/7/2014 nên được hỗ trợ 10% đơn giá xây dựng tương ứng với số tiền 5.641.352 đồng, phù hợp với Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Như vậy, Quyết định thu hồi đất số 6469 và Quyết định phê duyệt phương án BT, HT số 6470/QĐ-UBND cùng ngày 11/10/2022 của UBND huyện G đối với diện tích đất 96,1m² đối với hộ bà Lâm Thị K là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Lâm Thị K:

[2.2.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền: Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ gia đình bà Lâm Thị K được ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 5, Điều 17 Luật Khiếu nại 2011 và Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Sau khi nhận đơn khiếu nại của bà K, người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh, Chủ tịch UBND huyện G ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 27, 28 và 29 Luật Khiếu nại năm 2011. Về hình thức của quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

[2.2.2] Về nội dung quyết định giải quyết khiếu nại: Theo như phân tích ở trên, diện tích đất thu hồi của hộ bà K là đất công do UBND xã quản lý nên UBND huyện G đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 6469 và Quyết định số 6470/QĐ-UBND cùng ngày 11/10/2022 về việc phê duyệt phương án BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đối với diện tích đất 96,1m² đối với hộ bà Lâm Thị K là đúng quy định của pháp luật. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 649/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện G ban hành xác định nội dung khiếu nại của bà K là không có cơ sở và giữ nguyên các nội dung Quyết định thu hồi đất số 6469 và Quyết định số 6470/QĐ-UBND cùng ngày 11/10/2022 của UBND huyện G là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị K là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới có ý nghĩa chứng minh cho nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, cần giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[3] Về án phí: Do bà Lâm Thị K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà Lâm Thị K được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lâm Thị K. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 318/2024/HC-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Về án phí: Bà Lâm Thị K được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Văn Cường
Bình**

Lê Thị Thúy

Trần Quang Minh